TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03077

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08125004	ĐỖ THỊ VÂN	ANH	DH08BQ	1		7,9	8	9
2	08117021	HUỲNH THỊ BÉ	DIỄM	DH08CT	1		7,9	8	9
3	09156010	NGUYỄN NGỌC	DUNG	DH09VT	1		8,0	8	0
4	09125026	LƯƠNG THỊ BÍCH	DUYÊN	DH09BQ	1		6,5	6	5
5	08117029	NGUYỄN NGỌC HẠNH	DUYÊN	DH08CT	1		8,1	8	1
6	08125035	LÊ VĂN	ĐIỆP	DH08BQ	1		6,5	6	5
7	08156017	VÌ ANH	ĐỨC	DH08VT				V	
8	09125038	TRẦN THỊ THU	HÀ	DH09BQ	1		7,4	7	4
9	08125051	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	DH08BQ	1		8,1	8	1
10	08125053	PHẠM THỊ	HẠNH	DH08BQ	1		6,6	6	6
11	09125041	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	DH09BQ	1		6,8	6	8
12	08125048	DƯƠNG ANH	HÀO	DH08BQ	1		5,7	5	7
13	09156015	PHAN THỊ	HẰNG	DH09VT	1		7,2	7	2
14	08125072	NGUYỄN THANH	HÒA	DH08BQ	1		7,7	7	7
15	09125054	ĐỖ THỊ	HỒNG	DH09BQ	1		7,8	7	8
16	09125057	HUỲNH THỊ	HƠN	DH09BQ	1		8,5	8	5
17	09156022	NGUYỄN TRẦN	HUY	DH09VT	1		6,5	6	5
18	08117076	VÕ VĂN	HƯNG	DH08CT	1		7,6	7	6

Số bài: 18 ; Số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03077

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09156025	BÙI THỊ	HƯƠNG	DH09VT	1		7,7	7	7
20	09125064	LÊ THỊ THU	HƯƠNG	DH09BQ	1		6,4	6	4
21	08117077	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	DH08CT	1		7,7	7	7
22	08117084	TRẦN KIM	KHÁNH	DH08CT	1		7,2	7	2
23	08125103	NGUYỄN NGỌC	LÂM	DH08BQ	1		6,8	6	8
24	09156030	LÊ THỊ MAI	LINH	DH09VT	1		6,2	6	2
25	09125078	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	DH09BQ	1		8,0	8	0
26	08156042	DƯƠNG LÊ	LỘC	DH08VT	1		7,6	7	6
27	08156044	ĐẶNG THANH	LUÂN	DH08VT	1	luan	7,0	7	0
28	08156047	NGUYỄN THẢO	LY	DH08VT	1		7,8	7	8
29	09156042	TRẦN THỊ DIỄM	MY	DH09VT				V	
30	09156043	BÙI THỊ HỒNG	NGA	DH09VT	1		8,0	8	0
31	09125096	HOÀNG THÚY	NGA	DH09BQ	1	Nga	8,9	8	9
32	09125104	PHAN THỊ	NHÃ	DH09BQ	1	Nhã	7,9	7	9
33	09156050	NGUYỄN HẢI QUỲNH	NHƯ	DH09VT	1		7,2	7	2
34	09156051	NGUYỄN TRẦN HUỲNH	NHƯ	DH09VT	1		6,9	6	9
35	08125145	NGUYỄN XUÂN	OANH	DH08BQ	1		8,1	8	1
36	08117142	HỒ NGỌC	PHÁT	DH08CT	1		7,2	7	2

Số bài: 74 ; Số tờ: 74

Cán bộ coi thi 1&2 — Phan thị Tuyết Hồng — Ng. T. Bích Chi

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 — Nguyễn Thị Tình

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03077

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09125123	TRẦN MAI	PHƯƠNG	DH09BQ	1		8,4	8	4
38	09125125	TRƯƠNG THỊ	PHƯỢNG	DH09BQ	1		7,1	7	1
39	08125160	LÊ THỊ	QUYÊN	DH08BQ	1		7,5	7	5
40	08156066	LÊ THỊ TỐ	QUYÊN	DH08VT	1		7,8	7	8
41	09125139	TRẦN THỊ	SEN	DH09BQ	1		8,0	8	0
42	08125167	NGUYỄN TRỌNG	SƠN	DH08BQ	1		6,9	6	9
43	08156073	PHẠM THANH	TÂM	DH08VT	1		7,7	7	7
44	09125152	ĐOÀN THỊ MINH	THANH	DH09BQ	1		7,6	7	6
45	08125178	NGUYỄN THỊ CHÍ	THANH	DH08BQ	1		7,5	7	5
46	08117174	NGUYỄN TẤN	THÀNH	DH08CT	1		7,7	7	7
47	08125184	TRẦN THỊ BÍCH	THẢO	DH08BQ	1		7,8	7	8
48	09125161	TRẦN THỤY NHƯ	THẢO	DH09BQ	1		7,4	7	4
49	09156077	NGUYỄN THỊ ÁNH	THÊM	DH09VT	1		7,3	7	3
50	08125189	NGUYỄN THU	THỊNH	DH08BQ	1		6,7	6	7
51	09125171	LÊ THỊ	THỦY	DH09BQ	1		7,6	7	6
52	08156083	THỔ THỊ THU	THỦY	DH08VT	1		7,2	7	2
53	09156082	ĐÀO THỊ NGỌC	THÚY	DH09VT	1		7,7	7	7
54	09156087	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	DH09VT	1		7,5	7	5

Số bài: 74 ; Số tờ: 74

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03077

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	08125201	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	DH08BQ	1		7,6	7	6
56	09125177	VÕ ĐÌNH	TÍN	DH09BQ	1		7,7	7	7
57	08125207	VÕ TRẦN NGỌC	TOÀN	DH08BQ	1		8,7	8	7
58	09125182	HÀ TRẦN THẢO	TRANG	DH09BQ	1		8,8	8	8
* 59	09156096	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH09VT					
60	08156091	PHẠM THÙY	TRANG	DH08VT	1		8,3	8	3
61	09125185	TRẦN THỊ THU	TRANG	DH09BQ	1		8,1	8	1
62	08156092	ĐỖ BÍCH	TRÂM	DH08VT	1		7,9	7	9
63	07117187	NGUYỄN HOÀNG	TRIỆU	DH08CT	1		7,2	7	2
64	09125188	TRẦN THỊ MỸ	TRINH	DH09BQ	1		8,0	8	0
65	09125189	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	TRINH	DH09BQ	1		7,7	7	7
66	08125219	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH08BQ	1		7,8	7	8
67	08125223	TÔ ANH	TUẤN	DH08BQ	1		7,3	7	3
68	09125195	TRẦN ANH	TUẤN	DH09BQ	1		6,9	6	9
69	08125227	DƯƠNG BÁ	TÙNG	DH08BQ	1		7,3	7	3
70	08156105	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH08VT	1		7,1	7	1
71	09125199	ĐỖ THỊ ÁNH	TUYẾT	DH09BQ					
72	09125200	TRẦN THỊ	TUYẾT	DH09BQ	1		8,1	8	1

Số bài: 74 ; Số tờ: 74

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03077

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 06/12/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	09156111	PHẠM THỊ THÚY	VÂN	DH09VT	1		7,1	7	1
74	09125213	ĐỖ THỊ ANH	VŨ	DH09BQ	1		7,3	7	3
75	09156116	BÙI NGUYỄN HỒNG	VY	DH09VT	1		7,1	7	1
76	09125215	LÊ THỊ YẾN	XUÂN	DH09BQ	1		8,4	8	4
77	08125243	ĐOÀN THỊ KIM	YẾN	DH08BQ	1		7,1	7	1
78	08125245	LÊ THỊ PHI	YẾN	DH08BQ	1		7,5	7	5

Số bài: 74 ; Số tờ: 74

Cán bộ coi thi 1&2: Phạm Thị Tuyết Hồng; Ng. T. Bích Chi

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: Nguyễn Thế Đài

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01689

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 27/11/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08125001	ĐẶNG TUẤN	AN	DH08BQ	1		6,0	6	0
2	09156001	HUỲNH QUỐC	AN	DH09VT	1		8,1	8	1
3	08156002	NGUYỄN THỊ THÙY	AN	DH08VT	1		8,1	8	1
4	08156005	NGUYỄN THỊ	ÁNH	DH08VT	1		8,6	8	6
5	08125011	HỒ THỊ KIM	BẰNG	DH08BQ	1		8,4	8	4
6	08125018	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	DH08BQ	1		7,9	7	9
7	08125019	LÊ THỊ	CƯƠNG	DH08BQ	1		8,0	8	0
8	09125021	VÕ QUỐC	CƯỜNG	DH09BQ	1		6,5	6	5
9	08125024	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	DIỆP	DH08BQ	1		7,8	7	8
10	08156011	NGUYỄN THỊ	DỊU	DH08VT	1		7,8	7	8
11	08125026	HÀ THỊ THÙY	DUNG	DH08BQ	1		7,2	7	2
12	08125027	NGUYỄN THỊ HOÀNG	DUNG	DH08BQ	1		8,5	8	5
13	08156012	HÀ THỊ	DUYÊN	DH08VT	1		7,9	7	9
14	08156013	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	DH08VT	1		8,6	8	6
15	08156014	LÊ THỊ THANH	DUYÊN	DH08VT	1		8,8	8	8
16	09125028	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	DH09BQ	1		7,2	7	2
17	08125034	LỮ THANH	ĐIỀN	DH08BQ	1		7,2	7	2
18	08125039	LÊ KHẮC	ĐỨC	DH08BQ	1		7,5	7	5

Số bài: 43 ; Số tờ: 43 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 27 tháng 11 năm 2010

Nguyễn T. Quý

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01689

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 27/11/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08125044	NGUYỄN THỊ HUỲNH	GIAO	DH08BQ	1		7,9	8	9
20	08125046	LÊ THU	HÀ	DH08BQ	1		7,9	8	9
21	09125044	MAI THỊ XUÂN	HẰNG	DH09BQ	1		7,1	7	1
22	08125059	BÙI HẢI	HẬU	DH08BQ	1		7,5	7	5
23	09125045	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	DH09BQ	1		7,4	7	4
24	08125061	CAO THỊ NGỌC	HIỀN	DH08BQ	1		8,3	8	3
25	09125048	NGUYỄN PHAN MỸ	HIỀN	DH09BQ	1		7,1	7	1
26	07125070	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	DH08BQ	1		6,5	6	5
27	08125069	PHẠM THỊ	HOA	DH08BQ	1		7,6	7	6
28	08125079	TRẦN NGUYỄN QUANG	HUY	DH08BQ	1		7,7	7	7
29	09156023	HUỲNH THỊ PHƯỢNG	HUYỀN	DH09VT	1		7,5	7	5
30	08156024	TRẦN TIÊN	HUYỀN	DH08VT	1		8,4	8	4
31	08156029	LƯƠNG THỊ THANH	HƯƠNG	DH08VT	1		7,2	7	2
32	08125082	MAI THỊ	HƯƠNG	DH08BQ	1		8,2	8	2
33	08125083	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH08BQ	1		7,6	7	6
34	08156030	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH08VT	1		8,6	8	6
35	08125085	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	DH08BQ	1		8,1	8	1
36	08156031	TRƯƠNG THỊ	HƯỜNG	DH08VT	1		8,4	8	4

Số bài: 43 ; Số tờ: 43 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 27 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01689

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 27/11/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	08125089	NHAN VĨNH	KHANG	DH08BQ	1		7,8	8	8
38	08117081	ĐỖ DUY	KHANH	DH08CT	1		8,5	8	5
39	08125091	TRẦN MINH	KHOA	DH08BQ	1		7,9	8	9
40	09125069	LÊ CAO	KHÔI	DH09BQ	1		7,0	8	0
41	08125092	PHAN THỊ LAN	KHUÊ	DH08BQ	1		7,3	8	3
42	08125093	DIÊM THỊ	KHUYÊN	DH08BQ	1		7,3	8	3
43	08125096	TRẦN ANH	KIỆT	DH08BQ	1		6,3	7	3

Số bài: 43 ; Số tờ: 43

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 27 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **01718**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 27/11/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08125097	TRƯƠNG MINH	KÝ	DH08BQ	1		7,7	7	7
2	08125101	NGUYỄN THỊ	LÀI	DH08BQ	1		8,4	8	4
3	08125098	NGUYỄN THIÊN	LAM	DH08BQ	1		8,0	8	0
4	08125099	NGUYỄN THỊ	LAN	DH08BQ	1		8,2	8	2
5	08125100	NGUYỄN VĂN	LANH	DH08BQ	1		7,0	7	0
6	08125106	NGUYỄN VĂN	LINH	DH08BQ	1		6,1	6	1
7	09156031	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	DH09VT	1		7,8	7	8
8	08156041	VÕ THỊ TRÚC	LINH	DH08VT	1		7,5	7	5
9	08125110	NGUYỄN NGỌC	LONG	DH08BQ	1		8,1	8	1
10	08156043	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO	LỘC	DH08VT	1		6,9	6	9
11	08125115	HUỲNH NGỌC	LŨY	DH08BQ	1		8,1	8	1
12	08125117	TRẦN LY	LY	DH08BQ	2		8,7	8	7
13	09156039	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	DH09VT	1		7,0	7	0
14	08156049	VĂN THỊ	MẾN	DH08VT	1		8,3	8	3
15	09125098	BIỆN THỊ KIM	NGÂN	DH09BQ	1		6,3	6	3
16	08125129	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	DH08BQ	1		7,4	7	4
17	08156053	LÊ THỊ HỒNG	NGHI	DH08VT	1		7,5	7	5
18	08125134	LÊ THỊ BẠCH	NGỌC	DH08BQ	1		8,3	8	3

Số bài: 58 ; Số tờ: 59

Cán bộ coi thi 1&2: Võ Thị B Tuyết; Lê Thị Thanh Nữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01718

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 27/11/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08125137	VÕ HOÀNG CHÂU	NGỌC	DH08BQ	1		7,3	7	3
20	08125138	NGUYỄN HUỲNH THẢO	NGUYÊN	DH08BQ	1		7,5	7	5
21	09156046	PHAN THỊ THANH	NHÀN	DH09VT	1		6,9	6	9
22	09156048	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	DH09VT	1		7,2	7	2
23	08125141	VŨ TUYẾT	NHUNG	DH08BQ	1		8,4	8	4
24	08125144	NGUYỄN THỊ NGỌC	OANH	DH08BQ	1		8,2	8	2
25	08156061	LƯU NGỌC	PHỤNG	DH08VT	1		7,7	7	7
26	08125153	TRẦN THỊ THÙY	PHƯƠNG	DH08BQ	1		8,8	8	8
27	08125154	BÙI THỊ DIỄM	PHƯỢNG	DH08BQ	1		8,3	8	3
28	08125155	DƯƠNG THỊ THU	PHƯỢNG	DH08BQ	1		7,5	7	5
29	08125156	LÊ NGUYỄN ĐAN	PHƯỢNG	DH08BQ	1		7,0	7	0
30	08125161	TRẦN THỊ THÚY	QUYÊN	DH08BQ	1		8,5	8	5
31	08156068	LÊ	RÔN	DH08VT	1		7,9	7	9
32	08125164	HUỲNH THANH	SANG	DH08BQ	1		7,7	7	7
33	08117160	TRẦN THANH	SINH	DH08CT	1		8,4	8	4
34	08125177	NGUYỄN THỊ	THANH	DH08BQ	1		8,8	8	8
35	08125183	NGUYỄN MINH	THÀNH	DH08BQ	1		8,1	8	1
36	08125186	PHẠM THỊ MỸ	THẠNH	DH08BQ	1		7,6	7	6

Số bài: 58 ; Số tờ: 59

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Thanh Nữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01718

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 27/11/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09156076	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮNG	DH09VT	1		6,8	6	8
38	08125188	NGUYỄN THỊ	THÊM	DH08BQ	1		8,4	8	4
39	09125165	TRẦN VĂN	THIỆU	DH09BQ	1		8,0	8	0
40	08125192	ĐOÀN THỊ MỘNG	THU	DH08BQ	1		7,9	7	9
41	08156081	NGUYỄN THỊ MỘNG	THU	DH08VT	1		6,9	6	9
42	08156082	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	DH08VT	1		7,5	7	5
43	08156085	LÊ THỊ THANH	THÚY	DH08VT	1		8,4	8	4
44	08125197	NGUYỄN THỊ	THÚY	DH08BQ	1		8,7	8	7
45	08156088	LÊ THỊ PHAN	TIỀN	DH08VT	1		7,9	7	9
46	09125178	TRẦN TRỌNG	TÍNH	DH09BQ	1		7,4	7	4
47	08125206	NGUYỄN THANH	TOÀN	DH08BQ	1		7,6	7	6
48	08125214	LÂM HOÀNG THÚY	TRÂM	DH08BQ	1		8,2	8	2
49	08156093	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	DH08VT	1		7,7	7	7
50	08125226	LƯU HỒNG	TUYẾN	DH08BQ	1		7,4	7	4
51	08156106	HUỲNH THỊ THU	VÂN	DH08VT	1		8,0	8	0
52	08117232	NGUYỄN THỊ ÁI	VÂN	DH08CT	1		7,2	7	2
53	08125234	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	DH08BQ	1		7,4	7	4
54	09156113	VÕ CÔNG	VIỆN	DH09VT	1		7,5	7	5

Số bài: 54 ; Số tờ: 57

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Thanh Nữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01718

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phát triển sản phẩm (210420) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 27/11/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09125211	LÊ QUANG	VỊNH	DH09BQ	1		7,1	7	1
56	09125212	ĐỖ NGỌC THIÊN	VŨ	DH09BQ	1		6,6	6	6
57	08125240	TÔ NHÃ	VY	DH08BQ	1		7,6	7	6
58	08125241	LÊ THỊ DIỄM	XUÂN	DH08BQ	1		8,0	8	0

Số bài: 58 ; Số tờ: 59

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Thanh Nữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm